TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **05/**2023/DS-ST
-Ngày: 06/01/2023
-V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Châu Văn Bình**
2. Ông **Trương Hoàng Hoa**

***- Thư ký phiên tòa*:** bà **Nguyễn Dương Kim Cương** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 370/2022/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: **Lê Thị Kim A, sinh năm 1976**.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

* *Người đại diện theo ủy quyền*: **Nguyễn Thị Huỳnh B**, **sinh năm 1988**. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn*:*

1. Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, Tiền Giang

2. Huỳnh Văn D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện X, Tiền Giang

(Chị B có mặt, chị C và anh D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Lê Thị Kim A trình bày cũng như qua hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh B trình bày*:

Ngày 26/12/2020 âm lịch, chị A có cho anh D vay số tiền 795.000.000 đồng để làm vốn phát triển kinh tế gia đình vì anh D có máy kobe, thi công san lấp mặt bằng. Khi vay tiền, anh D tự tay viết và ký tên vào giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, anh D vay hứa trong vòng 01 tháng trả lại.

Ngày 01/3/2021, chị C là vợ của anh D viết giấy nợ và thỏa thuận sẽ trả nợ thay cho anh D số tiền này, chị C có trả trước số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/3/2024 trả hoàn tất số nợ này nhưng chị A không đồng ý cho chị C trả trong thời gian trên.

Ngày 02/4/2021, anh D tiếp tục vay thêm chị A số tiền 300.000.000 đồng để bổ sung vốn hoạt động công trình. Anh D có viết và ký tên giấy mượn tiền.

Việc anh D trình bày, chị A cùng giang hồ ép anh D ký giấy mượn tiền 300.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tại biên bản hòa giải, anh D cũng thừa nhận: anh và chị C là vợ chồng có đăng ký kết hôn, số tiền vay của chị A dùng làm vốn thi công san lấp mặt bằng, chi tiêu trong gia đình. Nay anh D đồng ý trả nợ nhưng xin trả 5.000.000 đồng mỗi tháng, chị A không đồng ý.

Tổng số tiền hiện nay anh D nợ chị A là 995.000.000 đồng. Chị A yêu cầu anh D và chị C có nghĩa vụ liên đới trả số nợ vốn 995.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Huỳnh Văn D trình bày như sau:**

Tại bản tự khai, anh D trình bày: chị A có cho anh vay số tiền như sau: ngày 07/12/2019 vay 150.000.000 đồng; ngày 08/01/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 01/02/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 12/4/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 21/5/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 02/6/2020 vay 60.000.000 đồng; ngày 08/6/2020 vay 60.000.000 đồng; ngày 01/7/2020 vay 60.000.000 đồng; ngày 24/7/2020 vay 100.000.000 đồng; ngày 09/10/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 25/10/2020 vay 68.000.000 đồng. Tổng cộng 718.000.000 đồng. Từ ngày 25/10/2020 đến ngày 26/12/2020 là 795.000.000 đồng. Nay chị A bắt anh trả số tiền 1.095.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Anh đồng ý trả số tiền 718.000.000 đồng nhưng vợ anh đã trả số tiền 100.000.000 đồng và anh đã trả số tiền 170.000.000 đồng, tổng cộng 270.000.000 đồng, còn lại 448.000.000 đồng. Anh đồng ý trả số nợ còn lại 448.000.000 đồng nhưng chưa đến hạn.

Tại biên bản hòa giải tại Tòa án, anh D trình bày: anh và chị C là vợ chồng, gia đình anh có máy kobe thi công san lấp mặt bằng. Trong những năm 2018, công việc làm ăn khó khăn nên anh có vay tiền của chị A nhiều lần để trang trải gia đình, mua sắm và sửa chữa máy móc, thiết bị, phục vụ công trình thi công, mỗi lần vay 50.000.000đồng, có lần 100.000.000 đồng, hạn vay 01 tháng, nếu quá 01 tháng thì trả lãi 10%/tháng hoặc 20%/tháng, dần dần số nợ tính đến ngày 26/12/2020 âm lịch, tổng số tiền anh nợ chị A là 795.000.000 đồng. Anh có lăn tay, ký tên và viết họ tên vào giấy nợ cho chị A.

Ngày 01/3/2021, chị A đến nhà anh để yêu cầu anh trả nợ. Chị C là vợ của anh có viết giấy nợ và hứa trả nợ thay cho anh và trả trước cho chị A số tiền 100.000.000 đồng, chị C và A có thỏa thuận số tiền còn lại sẽ trả từ 01/3/2021 đến 01/3/2024 sẽ hoàn tất.

Do làm ăn khó khăn nên nên anh không có tiền trả tiền lãi, ngày 02/4/2021 âm lịch, chị A và lính của chị A ép anh ký giấy vay tiền 300.000.000 đồng để hợp thức hóa tiền lãi, anh có ký giấy mượn tiền nhưng anh không có nhận số tiền này.

Trước đây chị A có hỏi vay tiền của nhiều người và nhờ anh đi nhận tiền về đưa lại cho A tổng cộng 170.000.000 đồng, sau này A không trả nợ nên anh phải trả số nợ này nhưng anh không có giấy tờ chứng minh.

Nay anh đồng ý còn nợ số tiền 995.000.000 đồng, do khó khăn không khả năng trả một lần nên xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị Huỳnh C trình bày như sau:*

Tại bản tự khai, chị C trình bày: chị A có cho chồng chị là anh D vay số tiền như sau: ngày 07/12/2019 vay 150.000.000 đồng; ngày 08/01/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 01/02/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 12/4/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 21/5/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 02/6/2020 vay 60.000.000 đồng; ngày 08/6/2020 vay 60.000.000 đồng; ngày 01/7/2020 vay 60.000.000 đồng; ngày 24/7/2020 vay 100.000.000 đồng; ngày 09/10/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 25/10/2020 vay 68.000.000 đồng. Tổng cộng 718.000.000 đồng. Từ ngày 25/10/2020 đến ngày 26/12/2020 là 795.000.000 đồng. Nay buộc chị trả số tiền 1.095.000.000 đồng, chị không đồng ý.

Chị đồng ý trả số tiền 718.000.000 đồng nhưng chị đã trả số tiền 100.000.000 đồng và anh D đã trả số tiền 170.000.000 đồng, tổng cộng 270.000.000 đồng, còn lại 448.000.000 đồng. Chị đồng ý trả số nợ còn lại 448.000.000 đồng nhưng chưa đến hạn.

Tại biên bản hòa giải, chị C trình bày: Chị và anh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn với nhau. Gia đình chị có máy kobe thi công san lấp mặt bằng do anh D thi công công trình, khi thi công công trình thì có dư tiền cũng về trang trải trong gia đình. Chị không biết việc anh D vay tiền của chị A cho đến ngày 26/12/2020 âm lịch mới vỡ nợ ra thì chị mới biết. Do vợ chồng cũng muốn trả nợ cho chị A nên ngày 01/3/2021, A có đến nhà chị để yêu cầu trả nợ. Chị có viết giấy nợ và hứa sẽ trả nợ trên thay cho anh D và có trả trước số tiền 100.000.000 đồng cho chị A. Chị A có ký tên vào giấy do chị A viết giao cho chị giữ. Chị và chị A có thỏa thuận số tiền còn lại sẽ trả từ ngày 01/3/2021 đến 01/3/2024 sẽ trả dứt nợ, ai sai phạm sẽ hủy bỏ số tiền trên. Nay chị A vi phạm thỏa thuận nên chị không đồng ý cùng anh D trả nợ này cho chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Thị Huỳnh C và Huỳnh Văn D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh D và chị C liên đới trả lại số tiền vốn đã vay tổng cộng là 995.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Chợ Gạo nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh D và chị C có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vốn đã vay là 995.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị A cung cấp cho Tòa án bản chính "Giấy mượn tiền" viết tay ghi ngày 26/12/2020 Al và ngày 02/4/2021 Al có dấu lăn tay, chữ ký và chữ viết họ, tên của anh Huỳnh Văn D cũng như "Giấy cam kết trả nợ thay có chữ ký của anh D, chị Nguyễn Thị Huỳnh C".

Xét thấy: Tại bản tự khai anh D và chị C cùng cho rằng anh D chỉ vay chị A số tiền 718.000.000 đồng, trả trước 270.000.000 đồng và còn nợ chỉ 448.000.000 đồng và đồng ý trả số nợ 448.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải tại Tòa án, anh D thừa nhận có vay tiền của chị A, khi vay tiền, anh có ký tên vào giấy vay tiền do anh D viết và ký tên, hạn trả tiền trong 01 tháng kể từ ngày vay tiền và thừa nhận còn nợ chị A tổng số tiền 995.000.000 đồng. Khi đến hạn trả tiền, anh gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả lại tiền cho chị A, nay anh đồng ý trả nợ cho chị A số nợ này. Vì vậy, chị A khởi kiện yêu cầu anh D và chị C trả số nợ 995.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về việc yêu cầu anh D trả số tiền vốn đã vay là 995.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/12/2022, anh D trình bày tính đến ngày 26/12/2020 âm lịch anh còn nợ chị A số tiền 795.000.000 đồng do làm ăn khó khăn nên nên anh không có tiền trả tiền lãi, ngày 02/4/2021 âm lịch, chị A và người của chị A chặn đường ép anh ký giấy vay số tiền 300.000.000 đồng để hợp thức hóa tiền lãi chứ anh không có nhận số tiền này. Lời trình bày của anh D không được chị A thừa nhận và anh D cũng không có chứng cứ để chứng minh việc anh bị ép buộc, đe dọa viết giấy vay số tiền 300.000.000 đồng này, trong khi tại Biên bản hòa giải anh D thừa nhận còn nợ số tiền tổng cộng 995.000.000 đồng (*trong đó có bao gồm số tiền 300.000.000 đồng này*). Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh D.

[4] Về nghĩa vụ liên đới của chị Nguyễn Thị Huỳnh C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét thấy: Tại bản chính "Giấy mượn tiền" viết tay ghi ngày 26/12/2020 Al và ngày 02/4/2021 AL tuy chỉ có dấu lăn tay, chữ ký và chữ viết họ, tên của anh Huỳnh Văn D, chị Nguyễn Thị Huỳnh C không có ký tên nhưng theo "Giấy cam kết trả nợ thay có chữ ký của anh D, chị Nguyễn Thị Huỳnh C" và theo các tài

liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh D và chị C thừa nhận: anh và chị C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 22/8/1994. Tại biên bản hòa giải, anh D và chị C cùng trình bày gia đình anh, chị có máy kobe và anh D là người thi công san lấp mặt bằng, thời gian qua anh D vay tiền của chị A để có tiền mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ công trình thi công, thi công có dư tiền cũng đem tiền về chi tiêu, trang trải trong gia đình là phát triển kinh tế gia đình, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình nên làm phát sinh nghĩa vụ liên đới của vợ chồng trong việc trả nợ cho chị A theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên chị C cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng anh D trả số nợ này.

Tại biên bản hòa giải, chị C trình bày: ngày 01/3/2021, chị có thỏa thuận với chị A rằng chị C sẽ thay anh D trả nợ cho chị A số tiền 995.000.000 đồng trả từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/3/2024 tất nợ nhưng nay chị A vi phạm thỏa thuận nên chị không đồng ý cùng anh D trả nợ cho chị A. Lời trình bày của chị C không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ tuy chị C có ký cam kết sẽ thay anh D trả nợ cho chị A và trả trong thời gian từ ngày 01/3/2021 ngày 01/3/2024 nhưng không được chị A đồng ý và cho đến nay chị C vẫn chưa trả được khoản tiền nào cho chị A. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải, anh D thừa nhận và đồng ý trả chị A số tiền nợ còn lại là 995.000.000 đồng, số nợ này là tiền anh D vay để làm vốn phục vụ thi công công trình, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên làm phát sinh nghĩa vụ liên đới của vợ chồng anh D, chị C trong việc trả nợ cho chị A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc chị C có nghĩa vụ liên đới cùng với anh D trả số nợ trên cho chị A.

[5] Xét yêu cầu tính tiền lãi: quá trình khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị A không yêu cầu tính lãi. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về thời gian trả nợ: chị A yêu cầu vợ chồng anh D, chị C liên đới trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật, anh D xin trả khi mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, chị C không đồng ý cùng anh D trả nợ. Xét thấy, vợ chồng anh D, chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, nếu để kéo dài sẽ gây thiệt thòi quyền lợi ích hợp pháp cho chị A nên việc chị A yêu cầu trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc vợ chồng anh D, chị C có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên cho chị A ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh D và chị C thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim A.**

1. Anh Huỳnh Văn D và chị Nguyễn Thị Huỳnh C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Kim A số tiền vốn 995.000.000 đồng *(Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng)*, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị Lê Thị Kim A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn D và chị Nguyễn Thị Huỳnh C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Huỳnh Văn D và chị Nguyễn Thị Huỳnh C phải liên đới chịu 41.850.000 đồng.

+ Hoàn lại cho chị Lê Thị Kim A số tiền 22.425.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025274 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị Kim A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh Huỳnh Văn D và chị Nguyễn Thị Huỳnh C thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** <u>Nơi nhận</u>:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Cc. THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn;

Phạm Văn Tài